

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 05 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				0
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	257	9,509,000
	Được chi trong ngày				9,509,000
	Đã chi trong ngày				9,441,950
	1. Dịch vụ				282,700
1	Gas sáng		0	257	0
2	Gas trưa		1,100	257	282,700
	2. Kho				279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
	3. Đi chợ				8,880,250
	Ăn chính				8,880,250
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Hủ tíu	Kg	20,520	6.5	133,380
3	Khoai mỡ	Kg	39,900	10	399,000
4	Cà chua	Kg	57,750	5	288,750
5	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
6	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
7	Mướp	Kg	33,600	2	67,200
8	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
9	Rau om	Kg	36,750	0.1	3,675
10	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
11	Nấm rơm	Kg	189,000	1.5	283,500
12	Chuối cau	Kg	47,250	13	614,250
13	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	13	2,593,500
14	Mực tươi	Kg	488,250	3	1,464,750
15	Đường kính	Kg	38,850	4	155,400
16	Tôm sú	Kg	378,000	4.8	1,814,400
17	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
18	Ngò gai	Kg	52,500	0.1	5,250
19	Phô mai Con bò cười	Hộp	52,920	1	52,920
20	Cải ngọt	Kg	36,750	2	73,500
21	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
22	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
23	Mía	Kg	31,500	2.5	78,750
24	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
25	Mè trắng	Kg	147,000	0.3	44,100
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				279,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				8,880,250
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			257	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				9,509,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				9,441,950
	Chênh lệch cuối ngày				67,050

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy